

Số: 09/2022/QĐST-DS

Thành phố Hồng Ngự, ngày 19 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;
2. Ông Trương Minh Quang.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Chị Phan Thị L, sinh năm 1989.

2. Anh Phan Văn N, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: ấp TN, xã TCC, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L và anh N là: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/10/2020 và 26/10/2020)

Địa chỉ cư trú: Khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Thị Th, Văn phòng Luật sư XH, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp T, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Đoàn Thị Ph, sinh năm 1973 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp TN, xã TCC, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bà Lê Thị D, sinh năm 1960 (Vợ ông Ng);

3/ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 (Con ông Ng);

4/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (Con ông Ng);

5/ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 (Con ông Ng);

6/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (Con ông Ng);

7/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 (Con ông Ng);

8/ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993 (Con ông Ng);

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Tất cả đều có đơn xin vắng mặt).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Chị Phan Thị L và anh Phan Văn N được sử dụng phần đất diện tích 1.064,8m² thuộc một phần thửa 2091 và thửa 338, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Xác định trong phạm vi các mốc:

+ Tại vị trí I gồm: mốc 1' – mốc 2 – mốc 3 – mốc 3' – mốc 1'.

+ Tại vị trí II gồm: mốc 1 – mốc 1' – mốc 3' – mốc 4 – mốc 1.

+ Tại vị trí IV gồm: mốc 6 – mốc 6' – mốc 8' – mốc 5 – mốc 6.

2/ Ông Nguyễn Văn Ng được sử dụng phần đất diện tích 86,5m² thuộc một phần thửa 2091 và thửa 338, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Xác định trong phạm vi các mốc tại vị trí III gồm: mốc 6' – mốc 7 – mốc 8 – mốc 8' – mốc 6'.

3/ Chị Phan Thị L và anh Phan Văn N có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn Ng số tiền ông Phan Văn L vay thiếu tổng cộng vốn và lãi đến ngày 19/4/2022 là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 1.365.000 đồng giá trị của các cây trồng trên đất gồm: 09 cây dừa, 03 cây xoài, 04 cây đu đủ, 05 bụi chuối. Tổng cộng số tiền là 31.365.000 đồng (Ba mươi một triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Chị Phan Thị L và anh Phan Văn N được quyền sở hữu, sử dụng các cây trồng trên đất gồm: 09 cây dừa, 03 cây xoài, 04 cây đu đủ, 05 bụi chuối.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 16/6/2021 theo dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H và biên bản xem xét thẩm định).

- Đối với 01 cây vú sữa do ông Ng trồng trên phần đất chị L, anh N được hưởng (tại vị trí IV) thì ông Ng tự nguyện di dời ra khỏi đất, không yêu cầu bồi thường hỗ trợ.

- Đối với các cây trồng mà ông L trồng trên phần đất mà ông Ng được hưởng (tại vị trí III) thì chị L, anh N tự nguyện di dời ra khỏi đất, không yêu cầu bồi thường, hỗ trợ.

Thời gian di dời cây trồng trên đất: hai bên thống nhất kể từ khi chị L, anh N có đơn yêu cầu thi hành án hoặc do các bên thỏa thuận.

4/ Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Ng là người cao tuổi, được miễn tiền án phí theo quy định.

- Chị Phan Thị L và anh Phan Văn N phải chịu 5.295.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.134.000đ theo biên lai số 0008842 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, chị Phan Thị L và anh Phan Văn N còn phải nộp tiếp số tiền 4.161.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

7/ Chi phí tố tụng tổng cộng là 4.043.000 đ (bốn triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Chị Phan Thị L và anh Phan Văn N chịu 2.021.500đ (hai triệu không trăm hai mươi một nghìn, năm trăm đồng); ông Nguyễn Văn Ng chịu 2.021.500 đồng. Do chị L đã tạm ứng và đã chi xong nên ông Ng phải nộp trả lại cho chị L số tiền 2.021.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Chi cục THADS Tp. Hồng Ngự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hùynh Thanh Tâm